TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 71/2026/HS-PT
Ngày 04 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phùng Anh Dũng, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 195/2025/TLPT-HS ngày 15/10/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HSST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 503/2026/QĐXXPT-HS ngày 05/02/2026 của Tòa phúc Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: Trịnh Thị T (tên gọi khác L1); Giới tính: Nữ. Sinh năm 1982, tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Họ và tên cha: Trịnh Văn T1, sinh năm 1944; Họ tên mẹ: Trịnh Thị H, sinh năm 1950; gia đình bị cáo có 03 anh chị, bị cáo là con thứ tư; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn S, sinh năm 1975, có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2024, đến ngày 06/11/2024 thì được áp dụng biện pháp bảo lĩnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Phạm Hoàng T2 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1995, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn G, xã P, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Họ và tên cha: Phạm Văn T3 (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị L1 (đã chết); bị cáo không có anh chị em ruột; chưa có vợ, có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến ngày 20/11/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có các bị cáo Cao Quý D*,* Nguyễn Khoa K*,* Đinh Ngọc V*,* Trần Xuân N*,* Lê Văn P *nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.*

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị T*:* Luật sư Nguyễn D1 - Công ty L3, đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: D T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bị hại:

+ Chị H Quyết B, sinh năm 2002; địa chỉ: Buôn D, phường B, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là buôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

+ Cháu Phan Thị Yến N1, sinh năm 2011; địa chỉ: đường N, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Đường N, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương), vắng mặt.

+ Cháu H Miêu Buôn Yă, sinh năm 2010; địa chỉ: Buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 03/2024, Cao Quý D và Nguyễn Khoa K thuê nhà của Phạm Hoàng T2 ở thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk làm địa điểm chứa chấp nhân viên nữ tham gia rót bia phục vụ khách tại các quán nhậu, quán Karaoke trên địa bàn huyện K. D nhờ bạn gái là H' Nhã Ênuỗl *(tên gọi khác* H M*, sinh năm 2005, trú tại* thôn G, Buôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *trước đây từng làm nhân viên)* nếu biết nhân viên nữ nào muốn làm việc thì liên hệ với D và K. Khoảng đầu tháng 4/2024, Đinh Ngọc V đến gặp xin làm chung với D và K.

K, D và V thống nhất phân công nhiệm vụ, cụ thể K, D và V có nhiệm vụ quản lý, đưa đón nhân viên nữ từ nhà T2 đến các điểm tiếp khách và ngược lại; trong đó, D phụ trách chung, K có nhiệm vụ thu tiền, quản lý thu chi tiền do khách trả cho nhân viên nữ; V có nhiệm vụ chấm công nhân viên nữ theo ca khi có khách gọi và ghi chép, quản lý sổ sách để theo dõi.

Thời điểm này có các nhân viên nữ làm cho nhóm của K, gồm: Phan Thị Yến N1 (thường gọi là S1, sinh ngày 10/02/2011; trú tại buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); H Miêu Buôn Yă (thường gọi là Miu, sinh ngày 26/4/2010, trú tại Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk); H Quyết Byă (thường gọi là Đ, sinh ngày 24/02/2002, trú tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk); H Li Sa B1 (thường gọi là S2, sinh ngày 11/11/2007, trú tại Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); H Ming Ê Ban (thường gọi là T4, sinh ngày 23/01/2009, trú tại Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk); H Mim Adrơng (thường gọi là M1, sinh ngày 25/5/2009, trú tại buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk); Nguyễn Mai K1 (thường gọi là K1, sinh ngày 22/11/2009, trú tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); H Su Si M2 (thường gọi là N1, sinh ngày 12/01/2008, trú tại buôn K, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk); H Trinh Ê (thường gọi là T5, sinh ngày 05/4/2005, trú tại thôn G, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk); H Thu B2 (thường gọi là T6, sinh ngày 21/9/2006, trú tại buôn D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk); ngoài ra còn

hai nhân viên nữ tên Á và tên N2 ở thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch).

Quá trình nhân viên đi làm rót bia phục vụ khách tại quán nhậu, quán K3 trên địa bàn huyện đều có người quản lý, theo dõi các nhân viên, nếu các nhân viên muốn đi đâu, làm gì đều phải được sự đồng ý của nhóm K. Khi đi làm, toàn bộ những nhân viên nữ buộc phải phục vụ theo yêu cầu của khách, nếu để khách phản ánh lại thì nhân viên sẽ bị chửi bới, bị phạt tiền hoặc bị bán đi nơi khác. Nhân viên nữ đi tiếp khách theo ca 90 phút (một ca) khách phải trả 300.000đ, nhân viên được hưởng 150.000đ, tuy nhiên toàn bộ số tiền khách trả K đều giữ lại trừ vào các khoản tiền chi không hợp lý như tiền thuê xe chở nhân viên, tiền buộc nhân viên ứng để mua đồ, tiền phạt nhân viên vi phạm quy định, tiền trả cho các chủ cơ sở đưa nhân viên đến làm (tiền chuộc), số tiền chuộc này nhóm K sẽ yêu cầu các nhân viên viết giấy nợ hoặc ghi vào sổ ghi chép buộc các nhân viên phải nhận nợ số tiền này…để trừ hết tiền mà nhân viên được hưởng. Nếu nhân viên muốn đi làm chỗ khác làm hoặc muốn về nhà không làm nữa thì phải trả hết tiền trong đó có số tiền các nhân viên không nợ và cả số tiền mà nhóm K đã trả cho chủ cơ sở đưa các nhân viên đến làm.

Trong tháng 4/2024, K cùng đồng bọn đã mua bán 03 nạn nhân cụ thể:

- Đối với H Quyết Byă: Vào đầu tháng 4/2024, K, D thỏa thuận bán H Quyết cho Trần Xuân N để N sử dụng H Quyết làm nhân viên phục vụ quán nhậu, quán K3 trên địa bàn thị xã A, tỉnh Gia Lai với số tiền 10.000.000đ. Sau đó N và L2 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến huyện K đưa số tiền 10.000.000đ cho nhóm K đồng thời nhận H Quyết. Khi về tới thị xã A thì N yêu cầu H Quyết viết giấy nợ số tiền 12.000.000đ bao gồm số tiền 10.000.000đ tiền chuộc và 2.000.000đ tiền thuê xe. Làm được khoảng 07 ngày H Quyết muốn nghỉ việc, nhưng N không đồng ý và yêu cầu H Q phải trả đủ số tiền 12.000.000đ mới được nghỉ; sau đó, H Q đã trả đủ số tiền trên cho N và trở về nhà.

- Đối với Phan Thị Yến N1: Khoảng tháng 4/2024, Lê Văn P liên hệ với D về việc còn nhận nhân viên nữ hay không thì D trả lời là có nên P đưa Yến N1 đến bán cho nhóm của K với số tiền 5.000.000đ; sau khi trả tiền cho P thì nhóm K ghi vào sổ nội dung Nhi nợ số tiền 5.000.000đ. Nhi làm việc được khoảng 02-03 ngày do số lượng khách ít và bị khách phản ánh nên K, D, Vĩnh bán N1 cho Trần Xuân N với số tiền 7.000.000đ. Sau khi mua bán N1 và đưa N1 về thị xã A thì N nói N1 nợ N số tiền 11.000.000 đồng; sau khi làm việc cho N khoảng 15 ngày thì N1 được gia đình đến đón về nhà.

- Đối với H Miêu Buôn Yă: Khoảng giữa tháng 4/2024, K, D, Vĩnh trao Đ1 thống nhất bán H Miêu để lấy tiền. Sau khi thống nhất thì ngày 16/4/2024, K thuê Phạm Hoàng T2 (là lái xe taxi) ô tô biển kiểm soát 47A-45.152 chở K, H Miêu và Nguyễn Thị Tuyết N3 *(sinh năm 2009, trú tại* thôn G, xã E, huyện K*)*, Nguyễn Thành D2 *(sinh năm 2006, trú tại* thôn T, xã E, huyện K) chở đi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chơi, trên đường đi K nhờ T2 tìm người mua H M3 thì T2 đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T2 chở K, D2, N3 và H Miêu đến trước quán Karaoke "King" thuộc thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông gặp nói chuyện với Bùi

Nghĩa M4 *(sinh năm 2000, trú tại* tổ dân phố H, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*)* nhưng M4 không đồng ý tiếp nhận H Miêu.

Sau đó, K tiếp tục liên hệ với Trịnh Thị T là chủ quán K3 ở thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để mua bán H Miêu. Khi đến nơi K gặp Trịnh Thị T và Nguyễn Hữu T7 *(là bạn trai của* T*, sinh năm 1982, trú tại* thôn T, xã Đ, huyện Đ*)*. Tại đây, K thỏa thuận, thống nhất với T về việc bán H Miêu với số tiền 7.000.000đ. Tơ chuyển khoản trước cho K 2.000.000đ, còn số tiền 5.000.000đ thì thoả thuận để H Miêu làm cho T rồi T lấy tiền công của H M3 và trả cho K sau. Đến ngày 17/4/2024, H Miêu được gia đình đón về sau đó làm đơn trình báo sự việc gửi Công an huyện K.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HSST ngày 28/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị T *07 (bảy) năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2024, đến ngày 06/11/2024.*

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T2 *07 (bảy) năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 25/4/2024 đến ngày 20/11/2024.*

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Cao Quý D, Nguyễn Khoa K, Đinh Ngọc V, Trần Xuân N, Lê Văn P, quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường dân sự, chấp nhận việc Cơ quan điều tra tách hành vi mua bán người của một số đối tượng để tiếp tục xác minh làm rõ, kiến nghị tiếp tục xác minh làm rõ nhân thân, hành vi của một số đối tượng để xử lý theo quy định của pháp luật, quyết định về án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Phạm Hoàng T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo Trịnh Thị T kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T2 và bị cáo T giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của cả hai bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Hoàng T2, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[1.1] Bị cáo Phạm Hoàng T2 thực hiện hành vi giúp sức cho các bị cáo Cao Quý D, Nguyễn Khoa K, Đinh Ngọc V thuê nhà của mình tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk làm địa điểm chứa chấp nhân viên nữ để đưa đi phục vụ khách tại các quán nhậu, quán Karaoke trên địa bàn huyện K để được hưởng lợi ích vật chất (tiền). Ngoài ra, ngày 16/4/2024, K thuê T2 lái ô tô biển kiểm soát 47A-45.152 chở K và cháu H Miêu Buôn Yă sinh năm 2010 đi tìm người mua cháu H Miêu, T2 đồng ý và sau đó K đã bán cháu H Miêu cho Trịnh Thị T - Chủ quán K3 ở thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với giá 7.000.000 đồng, T chuyển khoản trước cho K 2.000.000 đồng, còn số tiền 5.000.000 đồng thì T thoả thuận để H Miêu làm cho T rồi T lấy tiền công của H Miêu Buôn Yă và trả cho K sau. Do Phạm Hoàng T2 thực hiện hành vi trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Thạch phạm vào "Tội mua bán người dưới 16 tuổi" và xử phạt T2 07 năm tù.

[1.2] Xét, Phạm Hoàng Thạch P1 vào "Tội mua bán người dưới 16 tuổi" theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 12 năm. Tòa án cấp sơ thẩm xét tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo T2 đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại cháu H Miêu Buôn Yă 5.000.000 đồng nên được cháu H M3 và bà H LiAng Byă (giám hộ cho cháu H Miêu) làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2 và không yêu cầu bồi thường thêm; do đó, xử phạt bị cáo T2 07 năm tù mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T2.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trịnh Thị T Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Điều 151 Bộ luật Hình sự về "Tội mua bán người dưới 16 tuổi" quy định: "*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm: a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo; c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này".* Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Trịnh Thị T cũng cho rằng mình không phạm vào "Tội mua bán người dưới 16 tuổi", Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét, căn cứ lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định khoảng hơn 18 giờ 30 phút ngày 16/4/2024, Phạm Hoàng T2 lái xe ô tô biển kiểm soát 47A-45.152 chở K và cháu H Miêu Buôn Yă sinh năm 2010 đến gặp Trịnh Thị T là chủ quán K3 ở thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để bán chau H Miêu. Khi đến nơi K gặp Trịnh Thị T và Nguyễn Hữu T7 *(là bạn trai của* T*, sinh năm 1982, trú tại* thôn T, xã Đ, huyện Đ*)*, K thỏa thuận, thống nhất với T về việc bán chau H Miêu với số tiền 7.000.000 đồng, T chuyển khoản trước cho K 2.000.000 đồng, còn số tiền 5.000.000 đồng hai bên thoả thuận để H Miêu làm cho T, rồi T lấy tiền công của chau H Miêu trả cho K sau, đến ngày 17/4/2024, cháu H Miêu được gia đình đón về nhà sau đó làm đơn trình báo Công an huyện K. Xét, Trịnh Thị T thực hiện hành vi trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Trịnh Thị T phạm vào "Tội

mua bán người dưới 16 tuổi" là có că cứ, đúng pháp luật, không oan. Xét, Trịnh Thị T phạm vào "Tội mua bán người dưới 16 tuổi" quy định tại khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 12 năm, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo T đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại cháu H Miêu Buôn Yă 10.000.000 đồng được cháu H Miêu và bà H LiAng Byă (giám hộ cho cháu H Miêu) làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và không yêu cầu bồi thường thêm; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 07 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo T.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo Phạm Hoàng T2 và bị cáo Trịnh Thị T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hoàng T2 và bị cáo Trịnh Thị T giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HSST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk với 2 bị cáo, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị T 07 (bảy) năm tù về "Tội mua bán người dưới 16 tuổi", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2024 đến ngày 06/11/2024.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T2 07 (bảy) năm tù về "Tội mua bán người dưới 16 tuổi", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 25/4/2024 đến ngày 20/11/2024.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trịnh Thị T và Phạm Hoàng T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đăk Lăk;
- Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và HTTP Công an tỉnh Đăk Lăk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân